TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8-CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 237/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 15-6-2026
V/v "Ly hôn, nuôi con, chia tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quang Minh Nghiêm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Hoàng, ông Nguyễn Văn Tâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mộng Nghi là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8-Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8-Cà Mau tham gia phiên toà: Ông Phan Văn Dựa - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8-Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 295/2026/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2026 về việc "Ly hôn, nuôi con, chia tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 204/2026/QĐXX-ST ngày 29 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị Diễm M, sinh năm 2001, số CCCD: 095301002851, ngày cấp 24/02/2022.

Địa chỉ: Khóm 3, phường Láng Tròn, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh Cái Trung H, sinh năm 2002, số CCCD: 095202008029, ngày cấp 12/02/2022.

Địa chỉ: Ấp 4, xã Đông Hải, tỉnh Cà Mau.

(Chị M, anh H có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/3/2026, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, chị Võ Thị Diễm M trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh H chung sống vào năm 2025, hôn nhân tự nguyện, cha mẹ có tổ chức đám theo phong tục tại địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Điền Đông A, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã Đông Hải,tỉnh Cà Mau) vào ngày 10/3/2025.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, khoảng 06 tháng gần đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng có cách sống khác nhau, anh H uống rượu sau đó có lời nói đe dọa đến tính mạng, sức khỏe của chị và gia đình chị. Chị nhiều lần khuyên anh H sửa đổi nhưng anh H không thực hiện.

Hiện nay chị và anh H sống ly thân từ tháng 01/2026, trong thời gian sống ly thân chị và anh H không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không hòa giải mâu thuẫn để tiếp tục chung sống. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con: Chị và anh H có 01 người con tên Cái Võ Kim C, sinh ngày 24/02/2026 đang sống cùng chị. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Tài sản chung là 04 chỉ vàng 24k và 02 chỉ vàng 18k, chị là người quản lý. Trong thời gian sống ly thân, chị bán 02 chỉ vàng 24k để làm chi phí sinh người con Cái Võ Kim C. Số vàng còn lại hiện nay là 02 chỉ vàng 24k và 02 chỉ vàng 18k chị đồng ý chia đôi với anh H.

Về nợ: Chị và anh H không có nợ.

Anh Cái Trung H trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị M. Hiện nay mâu thuẫn giữa anh với chị M đã trầm trọng, không còn khả năng hòa giải, chị M yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Về con: Anh thống nhất với lời trình bày của chị M về con chung. Khi ly hôn anh đồng ý giao người con tên Cái Võ Kim C, sinh ngày 24/02/2026 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Tài sản chung là 04 chỉ vàng 24k và 02 chỉ vàng 18k hiện nay chị M quản lý, anh yêu cầu chia đôi.

Chị M trình bày đã bán 02 chỉ vàng 24k để làm chi phí sinh con thì anh không đồng ý vì khi bán vàng chị M không thông báo cho anh biết.

Về nợ: Anh và chị M không có nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8-Cà Mau, tỉnh Cà Mau phát biểu:

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định Luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Ý kiến về giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Năm 2025, chị M và anh H tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong thời gian chung sống chị M và anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn. Nay chị M yêu cầu ly hôn, anh H đồng ý. Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn của chị M và anh H.

Về con: Người con tên Cái Võ Kim C, sinh ngày 24/02/2026 đang sống cùng chị M. Khi ly hôn chị M và anh H thống nhất giao con cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng nên ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị M không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Về tài sản: Chia cho anh H 01 chỉ vàng 24k và 01 chỉ vàng 18k, buộc chị M có nghĩa vụ giao cho anh H số vàng trên. Số vàng còn lại là 01 chỉ vàng 24k và 01 chỉ vàng 18k chị M đang quản lý được tiếp tục quản lý, sử dụng.

Đình chỉ một phần yêu cầu của anh H về chia 02 chỉ vàng 18k.

Về nợ: Chị M và anh H không có nợ nên không xem xét.

Về án phí các đương sự nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8-Cà Mau về tuân theo pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Võ Thị Diễm M khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Cái Trung H, anh H có địa chỉ cư trú tại ấp 4, xã Đông Hải, tỉnh Cà Mau. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8-Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong quá trình tố tụng, anh H yêu cầu chia tài sản là 04 chỉ vàng 24k và 04 chỉ vàng 18k. Tại phiên tòa anh H rút lại một phần yêu cầu, anh chỉ yêu cầu chia 04 chỉ vàng 24k và 02 chỉ vàng 18k. Căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu của anh H về chia 02 chỉ vàng 18k.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Năm 2025, chị M và anh H tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Điền Đông A, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã Đông Hải, tỉnh Cà Mau) nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Trong thời gian chung sống giữa chị M và anh H phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng không cùng quan điểm, mỗi người có một suy nghĩ, cách sống khác nhau, hiện nay chị M xác định mâu thuẫn giữa chị và anh H đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn nên yêu cầu ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ. Tuy nhiên, qua thời gian chung sống giữa chị M và anh H không thực hiện được mà còn phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2026 đến nay. Trong thời gian sống ly thân chị M và anh H không gặp nhau để hòa giải mâu thuẫn để tiếp tục chung sống. Nay chị M yêu

cầu ly hôn, anh H đồng ý ly hôn với chị M. Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị M với anh H.

[2.2]. Về con: Người con tên Cái Võ Kim C, sinh ngày 24/02/2026 đang sống cùng chị M. Khi ly hôn chị M và anh H thống nhất giao con cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng nên ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị M không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

[2.3]. Về tài sản**:** Anh H và chị M thống nhất xác định tài sản chung của vợ chồng là 04 chỉ vàng 24k và 02 chỉ vàng 18k, chị M là người quản lý tài sản. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự công nhận là sự thật.

[2.4]. Chị M trình bày, trong thời gian sống ly thân chị đã bán 02 chỉ vàng 24k để làm chi phí sinh người con Cái Võ Kim C. Hiện nay chỉ còn lại 02 chỉ vàng 24k và 02 chỉ vàng 18k và đồng ý chia với anh H theo quy định. Anh H không đồng ý vì khi chị M bán vàng không thông báo, bàn bạc với anh.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, anh H thừa nhận: Khi chị M sinh con anh đều biết, nhưng anh không gửi tiền để chị M làm chi phí sinh hoạt trước và trong thời gian chị M sinh con. Sau khi chị M sinh con thì anh cũng không gửi tiền cho chị M làm chi phí cho việc chăm sóc con và phục hồi sức khỏe cho chị sau khi sinh.

Mặc dù anh H không đồng ý đối trừ, nhưng xét việc chị M sử dụng 02 chỉ vàng để làm chi phí để chăm sóc về sức khỏe, dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai, chi phí để sinh con và chi phí để chăm sóc về sức khỏe, dinh dưỡng cho bà mẹ nuôi con dưới 36 tháng tuổi và cho con, đặc biệt là con dưới 36 tháng tuổi là nhằm đáp ứng cho nhu cầu thiết yếu theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình, phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 43 Luật trẻ em nên cần chấp nhận đối trừ cho chị M 02 chỉ vàng 24k.

Số vàng còn lại sau khi đối trừ là 02 chỉ vàng 24k và 02 chỉ vàng 18k chị M quản lý và đồng ý chia đôi với anh H. Do đó, chia cho anh H 01 chỉ vàng 24k và 01 chỉ vàng 18k, buộc chị M có nghĩa vụ giao cho anh H số vàng trên (loại vàng đang lưu hành trên thị trường). Chia cho chị M 01 chỉ vàng 24k và 01 chỉ vàng 18k, số vàng trên chị M đang quản lý được tiếp tục quản lý, sử dụng.

Giá vàng tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 14.300.000 đồng/01 chỉ vàng 24k; 10.500.000 đồng/01 chỉ vàng 18k.

[2.5]. Về nợ: Chị M và anh H không có nợ nên không xem xét.

[2.6]. Về án phí:

Chị M chịu 75.000 đồng tiền án phí hôn nhân và 1.240.000 đồng án phí chia tài sản. Chị M đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí vào ngày 24/3/2026 theo biên lai thu số 0002987 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 8-Cà Mau được chuyển thu án phí 300.000 đồng, còn lại 1.015.000 đồng chị M có nghĩa vụ nộp tiếp.

Anh H chịu 75.000 đồng tiền án phí hôn nhân và 1.240.000 đồng tiền án phí chia tài sản, anh H đã nộp 1.350.000 đồng tiền tạm ứng án phí vào ngày 08/4/2026 theo biên lai thu số 0003934 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 8-Cà Mau được chuyển thu án phí 1.315.000 đồng, còn lại 35.000 đồng được hoàn trả cho anh H.

Các khoản tiền đương sự nhận và nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 8-Cà Mau.

[2.7]. Ý kiến của Kiểm sát viên về giải quyết vụ án là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 37, Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Võ Thị Diễm M và anh Cái Trung H.

2. Về con chung: Giao người con Cái Võ Kim C, sinh ngày 24/02/2026 cho chị Võ Thị Diễm M tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Cái Trung H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị Võ Thị Diễm M không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

3. Về tài sản: Chia cho anh Cái Trung H 01 chỉ vàng 24k và 01 chỉ vàng 18k. Số vàng trên chị Võ Thị Diễm M đang quản lý, buộc chị Võ Thị Diễm M có nghĩa vụ giao cho anh Cái Trung H 01 chỉ vàng 24k và 01 chỉ vàng 18k (loại vàng đang lưu hành trên thị trường).

Chia cho chị Võ Thị Diễm M 01 chỉ vàng 24k và 01 chỉ vàng 18k (loại vàng đang lưu hành trên thị trường), số vàng trên chị Võ Thị Diễm M đang quản lý được tiếp tục quản lý, sử dụng.

4. Đình chỉ một phần yêu cầu của anh Cái Trung H về việc yêu cầu chia 02 chỉ vàng 18k.

5. Về án phí: Chị Võ Thị Diễm M chịu 75.000 đồng tiền án phí hôn nhân và 1.240.000 đồng án phí chia tài sản. Chị Võ Thị Diễm M đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí vào ngày 24/3/2026 theo biên lai thu số 0002987 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 8-Cà Mau được chuyển thu án phí 300.000 đồng, còn lại 1.015.000 đồng chị Võ Thị Diễm M có nghĩa vụ nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 8-Cà Mau.

Anh Cái Trung H chịu 75.000 đồng tiền án phí hôn nhân và 1.240.000 đồng tiền án phí chia tài sản. Anh Cái Trung H đã nộp 1.350.000 đồng tiền tạm ứng án phí vào ngày 08/4/2026 theo biên lai thu số 0003934 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 8-Cà Mau được chuyển thu án phí 1.315.000 đồng, còn lại 35.000 đồng được hoàn trả cho anh Cái Trung H tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 8-Cà Mau.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 8-Cà Mau;
- Phòng THA.DS khu vực 8-Cà Mau;
- UBND xã Đông Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Quang Minh Nghiêm